

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2022/HS-ST
Ngày: 24-3-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Chung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung.

2/ Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Điền - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 40/2022/TLST-HS ngày 03/3/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2022/QĐXXST-HS ngày 11/3/2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Hồ Chí B**, sinh năm 1999, tại tỉnh Phú Yên; Nơi ĐKKHKT: Tổ A, khu phố B, phường C, thành phố Tuy H, tỉnh Phú Yên; Chỗ ở: Tổ A, khu phố B, phường Phú H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hồ Văn D (chết) và bà Đào Thị Bích Th (chết); Vợ tên Sơn Thị Thanh H; Chưa có con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giữ ngày 18/11/2021 và tạm giam cho đến nay. Có mặt.

Bị hại: Anh Phạm Văn H, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn Bá N, xã Hợp Đ, Hện Thanh H, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Bà Lê Thị Thu T, sinh năm 1976; địa chỉ: Xã Tân H, thành phố Hồng N, tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt.

- Chị Phan Thị Mỹ N, sinh năm 2000; địa chỉ: Xã Tân H, thành phố Hồng N, tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồ Chí B và anh Phạm Văn H là bạn và cả hai cùng sống chung với nhau tại phòng trọ số 3 của khu nhà trọ địa chỉ số A, tổ B, khu phố C, phường Phú H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Khoảng 20 giờ 00 ngày 05/6/2021, anh Phạm Văn H đi công việc nên để lại xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu đen xám, biển số 66H1-391.69 tại phòng trọ và trên xe có cắm sẵn chìa khóa. Lúc này, B ở phòng trọ một mình và không có tiền tiêu xài nên nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô trên của anh H để bán lấy tiền tiêu xài. Thực hiện ý định, B lén lút đẩy xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu đen xám, biển số 66H1-391.69 đi ra khỏi phòng trọ và bật chìa khóa xe nổ máy rồi điều khiển xe bỏ đi. Sau đó, B điều khiển xe mô tô đi về tỉnh Đồng Nai nhằm mục đích bỏ trốn và tìm nơi tiêu thụ. Ngày 06/6/2021, B đi đến một cửa hàng mua bán xe máy cũ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (không rõ tên và địa chỉ cụ thể) và bán xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu đen xám, biển số 66H1-391.69 được số tiền 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng. Sau khi bán xe, B đón xe ô tô khách đi đến thành phố Đà L, tỉnh Lâm Đồng sinh sống và tiêu xài cá nhân hết số tiền bán xe. Đến ngày 18/11/2021, anh H đi chơi tại thành phố Đà L, tỉnh Lâm Đồng thì gặp B và B thừa nhận hành vi lén lút chiếm đoạt xe mô tô của anh H. Do B nhận thấy hành vi chiếm đoạt xe mô tô của anh H là vi phạm pháp luật nên ngày 18/11/2021 B đã cùng anh H đến Công an phường Phú H, thành phố T đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi lấy trộm xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu đen xám, biển số 66H1-391.69 của anh H. Công an phường Phú H đã thu thập hồ sơ vụ việc, chuyển giao hồ sơ cùng đối tượng Hồ Chí B đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T để xử lý theo thẩm quyền.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 306/KLTS-TTHS ngày 24/11/2021 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố T kết luận: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu đen xám, biển số 66H1-391.69 trị giá 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu đen xám, biển số 66H1-391.69, quá trình điều tra xác định: Xe mô tô trên do bà Lê Thị Thu T đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký xe. Sau khi mua xe, bà Thủy đã giao xe mô tô trên cho con gái là chị Phan Thị Mỹ N quản lý, sử dụng. Sau đó, chị N giao xe lại cho anh Phạm Văn H sử dụng để làm phương tiện đi lại hàng ngày (chị N là bạn của anh H). Ngày 05/6/2021, anh H đi công việc và để lại xe mô tô tại phòng trọ thì bị B chiếm đoạt. Do sau khi chiếm đoạt xe mô tô thì B đem bán xe tại địa bàn tỉnh Đồng Nai và không nhớ nơi bán nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T không thu hồi được. Quá trình điều tra, anh H yêu cầu B bồi thường cho anh H số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng. Hiện tại, B chưa bồi thường số tiền trên cho anh H.

Cáo trạng số 57/CT-VKS-HS ngày 01/3/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T truy tố bị cáo Hồ Chí B về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T trong phần tranh luận, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Hồ Chí B mức hình phạt từ 01 năm 06 tháng tù đến 01 năm 09 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đồng ý bồi thường cho anh Phạm Văn H số tiền là 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội. Bị cáo thống nhất về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Đối với số tiền bị hại yêu cầu bồi thường thì bị cáo đồng ý bồi thường. Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì khác. Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Hồ Chí B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản hỏi cung bị can cùng những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 20 giờ 00 ngày 05/6/2021, tại phòng trọ số 3 của khu nhà trọ địa chỉ số A, tổ B, khu phố C, phường Phú H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, Hồ Chí B đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu đen xám, biển số 66H1-391.69 trị giá 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng của bị hại anh Phạm Văn H. Hành vi mà bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi mà bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật B vệ; gây mất trật tự, trị an tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Bị cáo nhận thức rõ hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì tham lam, muốn có tiền tiêu xài mà bị cáo đã bất chấp sự trừng phạt của pháp luật, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo với mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời nhằm răn đe và phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã đến cơ quan điều tra đầu thú. Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ

sung năm 2017. Căn cứ vào nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, xét mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Phạm Văn H yêu cầu bị cáo Hồ Chí B phải bồi thường giá trị tài sản bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại với số tiền yêu cầu là 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng theo yêu cầu của bị hại. Xét đây là sự tự nguyện của bị cáo và phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh H số tiền là 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng.

[7] Về án phí: Bị cáo phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; các Điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 106, 136, 260, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Hồ Chí B phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1/ Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Hồ Chí B 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/11/2021.

2/ Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Hồ Chí B bồi thường cho anh Phạm Văn H số tiền là 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3/ Về án phí: Buộc bị cáo Hồ Chí B phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4/ Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương (PV06);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố T;
- Công an thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, Tòa.

Huỳnh Ngọc Chung